

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỘ ĐỨC
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2019/HNGĐ- ST

Ngày: 22/05/2019

V/v “Ly hôn ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘ ĐỨC, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Phạm Minh Vương

Các Hội thẩm nhân: 1. Ông Nguyễn Kha

2. Ông Hoàng Triệu Nghĩa

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Thanh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

Ngày 22 tháng 5 năm 2019, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 60/2019/TLST- HNGĐ, ngày 26 tháng 3 năm 2019 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2019/QĐXXST- HNGĐ, ngày 06 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị L, sinh năm 1990

Địa chỉ: Thôn K, xã Nà, thành phố Q, tỉnh Quảng N

- Bị đơn: Anh Nguyễn Thái T, sinh năm 1987

Địa chỉ: Thôn 3, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng N.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 13/3/2019, các lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lê Thị L trình bày: Chị và anh Nguyễn Thái T tìm hiểu và tự nguyện kết hôn vào năm 2014 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng N. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian nhưng về sau thì phát sinh mâu thuẫn; Nguyên nhân là do không cùng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, xúc phạm đến nhau nên vợ chồng ly thân nhau từ năm 2017 đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn chị yêu cầu Tòa án cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Thái T.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có.

* Tại bản tự khai ngày 03/4/2019 bị đơn anh Nguyễn Thái T trình bày: Anh và chị Lê Thị L kết hôn vào năm 2014 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng N. Sau thời gian chung sống không hợp nhau nên vợ chồng ly thân nhau từ năm 2018 đến nay, tuy nhiên anh vẫn còn thương vợ nên anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án thụ lý đơn khởi kiện đúng trình tự thủ tục, đúng thẩm quyền, giải quyết vụ án trong thời hạn luật định; nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn Lê Thị L và bị đơn Nguyễn Thái Tr kết hôn vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng N vì vậy hôn nhân của anh, chị là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, giữa nguyên đơn và bị đơn xảy ra mâu thuẫn, nguyên đơn yêu cầu ly hôn, bị đơn không đồng ý. Nguyên đơn cho rằng trong quá trình chung sống vợ chồng bất đồng quan điểm nhau, thường xuyên cãi vã, xúc phạm đến nhau nên vợ chồng ly thân nhau từ năm 2017 đến nay. Bị đơn thừa nhận sau thời gian chung sống không hợp nhau nên vợ chồng ly thân nhau từ năm 2018 đến nay.

Xét thấy, giữa nguyên đơn và bị đơn có xảy ra mâu thuẫn và đã ly thân gần 02 (hai) năm, điều này chứng tỏ mâu thuẫn giữa nguyên đơn và bị đơn là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc nguyên đơn yêu cầu ly hôn là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[3] Về con chung: Nguyên đơn, bị đơn khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét

[4] Về tài sản chung: Nguyên đơn, bị đơn khai không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] nợ chung: Nguyên đơn, bị đơn khai không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Bị đơn không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 53, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 28, Điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm a khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Cho chị Lê Thị L được ly hôn anh Nguyễn Thái T.
2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị L phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai số 0003874 ngày 26/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi. Chị L đã nộp đủ số tiền trên.
3. Nguyên đơn, bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (22/5/2019).
4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục THADS huyện Mộ Đức;
- Các đương sự;
- UBND xã Đức Tân;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Minh Vương